

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 21/2020/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 10 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị
của cử tri trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 09 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 33/2017/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả
lời kiến nghị của cử tri do Quốc hội chuyển đến;*

*Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số
1567/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020, Tờ trình số 1820/TTr-UBND ngày
02 tháng 7 năm 2020 và Báo cáo thẩm định số 125/BC-STP ngày 18 tháng 5
năm 2020 của Sở Tư pháp.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri trên địa bàn tỉnh Kon Tum

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21/2020/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trách nhiệm của các sở, ban ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong công tác phối hợp, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri do Đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trực tiếp chuyển đến hoặc khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu.

2. Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan (*sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị*) trong việc phối hợp, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri.

3. Đối với các kiến nghị do Quốc hội và các cơ quan Trung ương chuyển đến thực hiện theo quy định tại Quyết định số 33/2017/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri do Quốc hội chuyển đến.

4. Kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo của công dân không thuộc đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, việc xem xét, giải quyết thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Các kiến nghị của cử tri phải được các cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết, trả lời theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình giải quyết.

2. Các cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri phải bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, đầy đủ, đúng trọng tâm, đảm bảo chất lượng, đáp ứng kỳ vọng chính đáng của cử tri, kịp thời báo cáo kết quả với

các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và thông tin lại với cử tri theo quy định của pháp luật.

3. Khi nhận được kiến nghị của cử tri, các cơ quan, đơn vị khẩn trương tổ chức rà soát, phân loại kiến nghị cử tri theo quy định, để lựa chọn và giải quyết, trả lời ngay các kiến nghị của cử tri có tính cấp thiết (*như Phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tiêu thụ sản phẩm đã đến kỳ thu hoạch...*) và các kiến nghị có nội dung rõ ràng, cụ thể, có cơ sở và thuộc thẩm quyền giải quyết theo đúng các quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này.

4. Việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri là nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri đúng các quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này. Kết quả thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và các cá nhân liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

“Kiến nghị của cử tri” là ý kiến bày tỏ tâm tư, nguyện vọng hoặc đề xuất, yêu cầu của cử tri về đời sống, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại của địa phương do Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Kon Tum và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển đến bao gồm: Các ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri trên địa bàn tỉnh thông qua các đợt tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, các đợt tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, tiếp xúc cử tri tại nơi công tác, nơi cư trú và kết quả giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được tổng hợp gửi đến Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương để giải quyết, trả lời theo thẩm quyền.

Điều 4. Phân loại kiến nghị

1. Phân loại theo thẩm quyền giải quyết

a) Kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ở trung ương là kiến nghị có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ở trung ương.

b) Kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là kiến nghị có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là những kiến nghị có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành của các sở và cơ quan tương đương sở.

d) Kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là những kiến nghị có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Phân loại theo kết quả giải quyết

a) Kiến nghị đã được giải quyết xong là những kiến nghị đã được các cơ quan, đơn vị giải quyết dứt điểm trên thực tế hoặc đã ban hành văn bản giải quyết, trả lời theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật.

b) Kiến nghị đang giải quyết là những kiến nghị mà các cơ quan, đơn vị đang thực hiện trong quá trình xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành (kể cả đã họp bàn giải quyết hoặc ban hành văn bản để chỉ đạo giải quyết) nhưng chưa có kết quả cuối cùng.

c) Kiến nghị sẽ giải quyết là những kiến nghị dự kiến sẽ được giải quyết trên cơ sở đã có kế hoạch ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ chính sách, pháp luật hoặc đã có kế hoạch bố trí nguồn lực, vốn và tiền độ thực hiện.

d) Kiến nghị giải trình, thông tin lại với cử tri là những kiến nghị có nội dung đã được các cơ quan, đơn vị giải quyết, trả lời hoặc nội dung có liên quan cơ chế, chính sách, pháp luật đã được quy định trong các văn bản pháp luật và quy định của các cơ quan có thẩm quyền; các kiến nghị chưa thể giải quyết được do chưa có quy định hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật hoặc của cơ quan có thẩm quyền hoặc do chưa có nguồn lực để thực hiện, chưa xác định được thời gian cụ thể, hoặc kiến nghị khi giải quyết có liên quan đến nhiều sở, ngành, địa phương và các bộ, ngành Trung ương, chưa thể xác định được thời gian giải quyết.

Chương II **TRÁCH NHIỆM TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI** **KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI**

Điều 5. Trách nhiệm Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tiếp nhận, phân loại kiến nghị do cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan tổng hợp kiến nghị cử tri chuyển đến thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các kiến nghị quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 4 Quy chế này. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phân loại kiến nghị, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh phân công các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp nhận, giải quyết, trả lời cử tri theo quy định.

2. Đối với các kiến nghị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy chế này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chuyển kiến nghị, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh để tổng hợp báo cáo cơ quan Trung ương có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Quyết định số 33/2017/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri do Quốc hội chuyển đến.

3. Đối với các kiến nghị được chuyển đến có nội dung chưa rõ ràng, không đúng thẩm quyền, trùng lặp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan làm rõ nội dung, phân loại kiến nghị của cử tri trước khi tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công các cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết, trả lời cử tri.

4. Đối với các kiến nghị có nội dung rộng, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công một cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp giải quyết, trả lời cử tri.

5. Đối với kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đã được tiếp nhận, giải quyết trả lời theo đúng quy định của pháp luật tại các kỳ họp trước nhưng cử tri vẫn tiếp tục kiến nghị thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp và trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chuyển kiến nghị phải tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thông báo đến cử tri, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan (*gửi kèm theo văn bản đã thông báo kết quả giải quyết, trả lời trước đó*).

6. Trường hợp kiến nghị cử tri được chuyển trực tiếp đến các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, nếu thuộc thẩm quyền giải quyết thì đơn vị chủ động chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để giải quyết, trả lời theo quy định. Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị phải chuyển lại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tiếp nhận, phân loại và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân công các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết, trả lời kiến nghị theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tiếp nhận, chỉ đạo, kiểm tra, xem xét và giải quyết, trả lời các kiến nghị của cử tri do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trả lời hoặc do Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Kon Tum và các đơn vị liên quan chuyển đến trực tiếp và đề nghị trả lời, làm rõ nội dung kiến nghị của cử tri.

2. Trường hợp các kiến nghị được phân công có nội dung chưa rõ ràng hoặc không thuộc chức năng, nhiệm vụ giải quyết của các sở, ban ngành, đơn vị thì trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản; các sở, ban ngành, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để làm rõ nội dung kiến nghị hoặc chuyển lại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để kiểm tra, điều chỉnh, tham mưu chuyển đến các cơ quan, đơn vị khác có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

3. Đối với kiến nghị đã được các sở, ban ngành, đơn vị tiếp nhận, giải quyết, trả lời theo đúng quy định của pháp luật tại các kỳ họp trước nhưng cử tri vẫn tiếp tục kiến nghị thì các sở, ban ngành, đơn vị có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị, các sở, ban ngành, đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, rà soát và có văn bản gửi đến cử tri (*kèm theo văn bản đã thông báo kết quả giải quyết, trả lời trước đó*) và địa phương nơi có cử tri kiến nghị, đồng thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan để biết, theo dõi trả lời cử tri.

4. Đối với những kiến nghị đã được các sở, ban ngành, đơn vị tiếp nhận, giải quyết nhưng nội dung trả lời chưa chính xác, chưa đầy đủ, chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến, các sở, ban ngành, đơn vị phải có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, điều chỉnh lại và có văn bản đính chính, bổ sung gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và địa phương nơi có cử tri kiến nghị biết, trả lời cử tri.

5. Đối với những kiến nghị của cử tri có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì các sở, ban ngành, đơn vị được giao chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri. Các cơ quan, đơn vị khi nhận được yêu cầu phối hợp của các sở, ban ngành, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp bằng văn bản theo nội dung được đề nghị.

6. Có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, cập nhật các nội dung đã được Báo Kon Tum, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kon Tum đăng tải hoặc phát sóng trên chuyên mục Diễn đàn cử tri, chủ động (*hoặc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan*) xem xét giải quyết, trả lời cử tri theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Chịu trách nhiệm tiếp nhận, chỉ đạo, kiểm tra, xem xét và giải quyết các ý kiến, kiến nghị do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân

công trả lời hoặc do Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan chuyển đến trực tiếp và đề nghị trả lời, làm rõ nội dung kiến nghị cử tri theo thẩm quyền.

2. Phối hợp chặt chẽ với Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân loại kiến nghị của cử tri đầy đủ, chính xác, rõ ràng và đúng thẩm quyền giải quyết trước khi chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết hoặc tham mưu giải quyết trả lời cử tri theo quy định.

3. Đối với các kiến nghị được chuyển đến có nội dung chưa rõ ràng, không đúng thẩm quyền, trùng lặp, kiến nghị có nhiều nội dung thuộc các lĩnh vực khác nhau, thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan làm rõ, chia tách nội dung để giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để giải quyết, trả lời theo quy định.

4. Đối với kiến nghị đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tiếp nhận, giải quyết, trả lời theo đúng quy định của pháp luật tại các kỳ họp trước nhưng cử tri vẫn tiếp tục kiến nghị, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chuyển kiến nghị, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo kiểm tra, rà soát, thông báo bằng văn bản gửi đến cử tri (*kèm theo văn bản đã thông báo kết quả giải quyết, trả lời trước đó*); đồng thời gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Kon Tum và các cơ quan liên quan biết, theo dõi trả lời cử tri.

5. Có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, cập nhật các nội dung đã được Báo Kon Tum, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kon Tum đăng tải hoặc phát sóng trên chuyên mục Diễn đàn cử tri, chủ động (*hoặc chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan*) xem xét giải quyết, trả lời cử tri theo quy định hiện hành.

6. Trong thời gian Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức tiếp xúc cử tri tại địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cử đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân tham gia hội nghị để kịp thời nắm bắt tình hình, trực tiếp giải quyết, trả lời các kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền hoặc tiếp nhận, phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan để xem xét giải quyết, trả lời cử tri.

Chương III

TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT TRẢ LỜI, BÁO CÁO KẾT QUẢ TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI

Điều 8. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri; đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc do các cơ quan có thẩm quyền chuyển trực tiếp đến các cơ quan, đơn vị; chịu trách nhiệm tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

2. Đối với kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, báo cáo hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho một cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, giải quyết, trả lời cử tri hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp giải quyết, nội dung trả lời cử tri. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì phải gửi văn bản về việc giải quyết, trả lời cử tri đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Trường hợp phát hiện thông tin, số liệu về việc giải quyết, trả lời cử tri của các cơ quan, đơn vị chưa chính xác hoặc không thống nhất với các tài liệu, báo cáo khác, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện được thông tin số liệu không chính xác hoặc không thống nhất, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải có văn bản thông tin, trao đổi kịp thời với các cơ quan, đơn vị rà soát, chuẩn xác lại.

4. Trường hợp tiếp nhận văn bản của cơ quan được phân công, giao chủ trì trả lời kiến nghị phản ánh cơ quan giao phối hợp chưa làm tốt công tác phối hợp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phản ánh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương kiểm tra, báo cáo, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan được giao phối hợp thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời gửi đến cơ quan được giao chủ trì biết.

5. Trong quá trình phối hợp, theo dõi, đôn đốc nếu nhận được thông tin phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc các cơ quan, đơn vị giải quyết, trả lời cử tri không đúng quy định của pháp luật hoặc việc triển khai các công việc không đúng với cam kết đã trả lời, thông tin với cử tri, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra các thông tin phản hồi và trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin phản hồi của các cơ quan tổ chức, cá nhân; có văn bản đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi đến cơ quan, tổ chức, cử tri cung cấp thông tin phản hồi để biết. Trường hợp kiểm tra phát hiện thông tin phản hồi chưa chính xác, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phản hồi biết.

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri đúng các quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này; tổng hợp báo cáo đầy đủ về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan và tổ chức liên quan có liên quan.

2. Trường hợp kiến nghị liên quan đến nhiều sở, ban ngành, đơn vị thì các sở, ban ngành, đơn vị được giao chủ trì giải quyết, trả lời kiến nghị phải chủ động, thường xuyên phối hợp, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các kiến nghị đã được giao cho cơ quan mình và các cơ quan phối hợp, không để kiến nghị tồn đọng, kéo dài, cụ thể:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được kiến nghị; các sở, ban ngành, đơn vị được giao chủ trì giải quyết, trả lời phải có văn bản gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan đề nghị phối hợp giải quyết, trả lời kiến nghị.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phối hợp của các sở, ban ngành, đơn vị chủ trì thì các cơ quan, đơn vị được đề nghị phối hợp phải có văn bản trả lời gửi đến sở, ban ngành, đơn vị được giao chủ trì giải quyết, trả lời cử tri theo đúng quy định của pháp luật và của Quy chế này.

c) Đối với các kiến nghị mà việc giải quyết liên quan đến nhiều sở, ban ngành, vượt quá khả năng, điều kiện hoặc có khó khăn, vướng mắc thì các sở, ban ngành, đơn vị được giao chủ trì phải chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị phải có văn bản báo cáo, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*) để xem xét, chỉ đạo.

3. Đối với các kiến nghị liên quan đến việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các cơ chế, chính sách pháp luật cần có nhiều thời gian để nghiên cứu, tổng kết, đánh giá, tuân thủ các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản hoặc kiến nghị khi thực hiện giải quyết cần phải có nguồn lực phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách địa phương hoặc phụ thuộc vào điều kiện hỗ trợ của trung ương nên chưa xác định được thời gian giải quyết thì các sở, ban ngành, đơn vị phải giải trình, nêu rõ lý do, dự kiến lộ trình, phương hướng giải quyết, trả lời để cử tri biết.

4. Trường hợp nội dung giải quyết, trả lời kiến nghị không chính xác, chưa đầy đủ, chưa phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương hoặc số liệu chưa nhất quán thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; các sở, ban ngành, đơn vị phải rà soát, điều chỉnh lại và có văn bản đính chính, bổ sung gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, phối hợp, đôn đốc và kịp thời điều chỉnh, khắc phục những sai sót theo thẩm quyền trong việc thực hiện giải quyết, trả lời các kiến nghị đã được giao thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được phân công. Thường xuyên chủ động rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền.

6. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan đến các kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương nhưng vượt quá khả năng hoặc có khó khăn, vướng mắc liên quan đến thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành phải có văn bản trả lời địa phương hoặc phải có văn bản đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo.

7. Văn bản trả lời cử tri phải được gửi đến Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh (*Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*), Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cử tri kiến nghị để thông báo cho cử tri.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Thường xuyên chủ động theo dõi, rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển đến.

2. Đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của các sở, ngành có liên quan đến địa phương nhưng việc giải quyết không đúng thời hạn quy định, không đúng quy định của pháp luật hoặc chưa đúng yêu cầu và chưa phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản trả lời cử tri của các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản gửi sở, ban ngành để điều chỉnh, đồng thời gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để có cơ sở đôn đốc các sở, ban ngành liên quan triển khai thực hiện.

3. Đối với các kiến nghị do sở, ban ngành chủ trì nhưng phải phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện để giải quyết, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị phối hợp của sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời hoặc chủ động liên hệ với các sở, ban ngành liên quan để phối hợp giải quyết, xử lý hoặc đề xuất, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

4. Đối với các kiến nghị liên quan đến việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật; sửa đổi, bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện cần có nhiều thời gian để nghiên cứu, tổng kết, đánh giá và tuân thủ các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản hoặc kiến nghị khi thực hiện giải quyết cần phải có nguồn lực phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của địa phương hoặc phụ thuộc vào điều kiện hỗ trợ của tỉnh nên rất khó xác định mốc thời gian giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản giải trình cụ thể về tình hình khó khăn, điều kiện và nguồn lực để thực hiện, xác định rõ lộ trình, phương hướng giải quyết, báo cáo để cử tri biết.

5. Đối với kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Quy chế này, Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri hoặc phân công, giao nhiệm vụ cho một cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, giải quyết, trả lời cử tri và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và cử tri để biết.

6. Trường hợp phát hiện thông tin, số liệu về việc giải quyết, trả lời cử tri của các cơ quan, đơn vị chưa chính xác hoặc không thống nhất với các tài liệu, báo cáo khác, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện được thông tin số liệu không chính xác hoặc không thống nhất, Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời trao đổi với các cơ quan, đơn vị bằng văn bản để rà soát, chuẩn xác lại.

7. Trong quá trình phối hợp, theo dõi, đôn đốc, nếu nhận được thông tin phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc các cơ quan, đơn vị giải quyết, trả lời cử tri không đúng quy định của pháp luật hoặc việc triển khai các công việc không đúng với cam kết đã trả lời, thông tin với cử tri, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, rà soát, kiểm tra các thông tin phản hồi và trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện, đồng thời gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phản hồi để biết. Trường hợp kiểm tra phát hiện thông tin phản hồi chưa chính xác, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phản hồi biết.

Điều 11. Tổng hợp báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả giải quyết, trả lời các kiến nghị cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp kết quả giải quyết kiến nghị cử tri của các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương, báo cáo theo yêu cầu của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định.

2. Các sở, ban ngành chủ động theo dõi, rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả giải quyết kiến nghị được phân công, thuộc thẩm quyền giải quyết cơ quan, đơn vị mình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền. Báo cáo bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

a) Số lượng kiến nghị được chuyển đến, phân công giải quyết; số lượng kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này, trong đó phân loại theo từng ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị; đánh giá khái quát diễn biến tình hình và những nội dung, lĩnh vực có nhiều kiến nghị cần quan tâm;

b) Đối với các kiến nghị đã giải quyết xong theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy chế này, phải có danh mục các văn bản trả lời đến cử tri (*văn bản đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và danh mục các vụ việc đã được thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm*);

c) Kết quả giải quyết, trả lời các kiến nghị thuộc nhóm “đang giải quyết” và “sẽ giải quyết” của các kỳ họp trước; tổng hợp những vấn đề bức xúc mà cử tri quan tâm, kiến nghị nhiều lần, qua nhiều kỳ họp; kiến nghị liên quan đến việc sửa đổi cơ chế, chính sách, quy định của Nhà nước và kiến nghị chưa thể thực hiện được ngay do chưa có nguồn lực;

d) Đánh giá về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri và đề xuất đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động theo dõi, rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả giải quyết kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan. Báo cáo bao gồm các nội dung sau:

a) Số lượng kiến nghị được chuyển đến; số lượng kiến nghị đã được giải quyết, trả lời trực tiếp trong các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; số lượng kiến nghị được ghi nhận trong các cuộc tiếp xúc cử tri để xem xét, giải quyết; trong đó phân loại cụ thể từng ngành, lĩnh vực theo nhiệm vụ

quản lý nhà nước của địa phương; đối với từng ngành, lĩnh vực phải làm rõ số lượng kiến nghị đã giải quyết, trả lời theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này;

b) Đối với các kiến nghị đã giải quyết xong nêu tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy chế này, phải kèm danh mục các văn bản trả lời đến cử tri thuộc thẩm quyền của địa phương (*Gồm văn bản đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và danh mục các vụ việc đã được thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm*);

c) Tình hình giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri thuộc nhóm “đang giải quyết” và “sẽ giải quyết” của các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp những vấn đề bức xúc mà cử tri quan tâm, kiến nghị nhiều lần, qua nhiều kỳ họp; kiến nghị liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung, ban hành, bãi bỏ cơ chế, chính sách, quy định của địa phương và kiến nghị liên quan đến các nguồn lực nên chưa thể thực hiện được ngay;

d) Đánh giá của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương và kiến nghị của địa phương đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 12. Thời hạn giải quyết và trả lời kiến nghị của các cơ quan, đơn vị

1. Đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 4 Quy chế này thì trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, các cơ quan, đơn vị phải có trách nhiệm giải quyết, trả lời. Kết quả giải quyết được trả lời, thông báo bằng văn bản đến cử tri và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của Quy chế này.

2. Đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 4 Quy chế này được giao cho các cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết, trả lời cử tri theo thẩm quyền thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản giao, các cơ quan, đơn vị phải có văn bản thông báo kết quả giải quyết kiến nghị đến cử tri và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của Quy chế.

3. Đối với kiến nghị có nội dung phức tạp hoặc có liên quan đến nhiều vấn đề phải giải quyết cần có thêm thời gian để nghiên cứu, kiểm tra, xác minh, xử lý thì các cơ quan, đơn vị phải có văn bản đề nghị gia hạn thời gian giải quyết và trả lời; thời gian đề nghị gia hạn không quá 10 ngày đối với tất cả các kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này. Văn bản đề nghị gia hạn thời gian giải quyết, trả lời kiến nghị của các cơ quan, đơn vị phải được gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có kiến nghị và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 13. Niêm yết, công khai nội dung giải quyết kiến nghị

1. Văn bản thông báo, giải quyết, trả lời cử tri của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị phải được gửi đến Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi có cử tri kiến nghị, đồng gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản trả lời cử tri, các cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết, trả lời có trách nhiệm đăng tải văn bản trả lời cử tri trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình; đồng thời cung cấp thông tin về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri cho Báo Kon Tum, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kon Tum để thông tin cho cử tri biết.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện nghiêm yết công khai nội dung giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có cử tri kiến nghị. Thực hiện đăng tải kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri trên Cổng thông tin điện tử của huyện, thành phố trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản trả lời cử tri.

Điều 14. Xử lý đối với kiến nghị của cử tri có nội dung liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước và kiến nghị có thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các luật chuyên ngành

1. Kiến nghị của cử tri có nội dung liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các luật chuyên ngành thì sở, ban ngành, địa phương từ chối trả lời hoặc trả lời nhưng phải tuân theo quy trình giải quyết và phát hành văn bản trả lời cử tri phải được quản lý theo chế độ mật. Không cập nhật các thông tin trả lời kết quả giải quyết trên Cổng thông tin điện tử; không niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; các sở, ban ngành địa phương phải báo cáo các kết quả giải quyết kiến nghị theo chế độ mật gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan.

2. Kiến nghị của cử tri có nội dung, thông tin được tiếp cận có điều kiện quy định tại Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các luật chuyên ngành thì sở, ban ngành, địa phương nghiên cứu, giải quyết, trả lời mức độ phù hợp, báo cáo các kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định tại Quy chế này, các sở, ban ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế này, hằng năm chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện Quy chế này theo quy định.

2. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung thì các sở, ban ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh kịp thời bằng văn bản về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hòa